

THÔNG BÁO

V/v: Thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa

Căn cứ:

- Biên bản họp của Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro vào ngày 08/08/2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng xin trân trọng thông báo đến Quý khách hàng về việc thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa hiện tại như sau:

1. Thay đổi giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa:

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSĐB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
1	ACB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu	33,280	31,720	HOSE
2	ACC	CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	18,130	18,070	HOSE
3	ADP	CTCP Sơn Á Đông	37,440	35,880	HOSE
4	ASG	CTCP Tập đoàn ASG	22,680	22,100	HOSE
5	BBC	CTCP Bibica	115,200	104,000	HOSE
6	BCE	CTCP Xây dựng và giao thông Bình Dương	15,400	15,340	HOSE
7	BCF	CTCP Thực phẩm Bích Chi	50,700	48,700	HNX
8	BCM	Tổng CTĐầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	93,210	91,780	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
9	BHN	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước Giải khát Hà Nội	48,490	45,500	HOSE
10	BMC	CTCP Khoáng sản Bình Định	26,580	23,720	HOSE
11	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	27,620	26,780	HOSE
12	BRC	CTCP Cao su Bến Thành	17,740	17,220	HOSE
13	BTP	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	15,600	14,880	HOSE
14	BWE	CTCP – Tổng CTNước – Môi trường Bình Dương	67,730	64,670	HOSE
15	CHP	CTCP Thủy điện Miền Trung	44,200	43,940	HOSE
16	CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	18,330	20,800	HOSE
17	CSM	CTCP Công nghiệp cao su Miền Nam	17,550	17,160	HOSE
18	CTR	Tổng CTCP Công trình Viettel	123,200	120,510	HOSE
19	D2D	CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	58,760	49,790	HOSE
20	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	43,000	39,320	HOSE
21	DCL	CTCP Dược phẩm Cửu Long	33,280	28,530	HOSE
22	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	43,350	51,870	HOSE
23	DGW	CTCP Thế giới số	62,400	60,380	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
24	DHG	CTCP dược Hậu Giang	139,490	133,640	HOSE
25	DP3	CTCP Dược phẩm Trung ương 3	70,200	67,900	HNX
26	DPG	CTCP Tập đoàn Đạt Phương	62,200	60,900	HOSE
27	DPM	Tổng CTPhân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	52,520	34,510	HOSE
28	DRC	CTCP Cao su Đà Nẵng	25,500	22,230	HOSE
29	DRL	CTCP Thủy điện - Điện lực 3	73,450	72,930	HOSE
30	DSN	CTCP Công viên nước Đầm Sen	60,320	59,150	HOSE
31	DTG	CTCP Dược phẩm Tipharco	21,500	18,900	HNX
32	FCN	CTCP FECON	18,460	22,800	HOSE
33	FPT	CTCP FPT	154,960	138,060	HOSE
34	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	221,520	197,600	HOSE
35	GAS	Tổng CTKhí Việt Nam - CTCP	93,340	89,830	HOSE
36	GMD	CTCP Gemadept	80,730	78,000	HOSE
37	GMX	CTCP Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	23,000	22,100	HNX
38	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	102,700	76,310	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
39	HAP	CTCP Tập đoàn Hapaco	8,820	8,650	HOSE
40	HCC	CTCP Bê tông Hòa Cầm - INTIMEX	30,200	29,900	HNX
41	HJS	CTCP Thủy điện Nậm Mu	38,700	37,300	HNX
42	HMC	CTCP Kim Khí TP.Hồ Chí Minh – Vnsteel	15,530	15,470	HOSE
43	HNA	CTCP Thủy điện Hòa Na	32,760	32,500	HOSE
44	HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	21,190	25,480	HOSE
45	HT1	CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên	16,900	20,410	HOSE
46	HVT	CTCP Hóa chất Việt Trì	47,100	44,400	HNX
47	IDI	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	8,960	10,600	HOSE
48	IPA	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	27,900	27,300	HNX
49	KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	71,500	71,110	HOSE
50	KHS	CTCP Kiên Hùng	33,900	28,300	HNX
51	KTS	CTCP Đường Kon Tum	60,400	58,200	HNX
52	L14	CTCP Licogi 14	45,700	45,300	HNX
53	L18	CTCP Đầu tư và xây dựng số 18	42,900	40,000	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
54	LIX	CTCP Bột giặt LIX	45,500	43,550	HOSE
55	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực thực phẩm	10,000	9,700	HNX
56	MCP	CTCP In và Bao bì Mỹ Châu	39,000	38,020	HOSE
57	MDC	CTCP Than Mông Dương - Vinacomin	15,400	13,200	HNX
58	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	16,770	19,950	HOSE
59	MSH	CTCP May Sông Hồng	60,250	52,450	HOSE
60	MSN	CTCP Tập đoàn MaSan	99,840	99,060	HOSE
61	MVB	Tổng CTCông nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	27,900	23,900	HNX
62	NBC	CTCP Than Núi Béo - Vinacomin	12,700	12,200	HNX
63	NET	CTCP Bột giặt NET	102,700	101,200	HNX
64	NFC	CTCP Phân lân Ninh Bình	69,900	69,100	HNX
65	NHT	CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	13,780	13,650	HOSE
66	NSC	CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	108,550	105,300	HOSE
67	NTL	CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm	27,200	26,520	HOSE
68	PAC	CTCP PinẮc quy miền Nam	43,400	40,300	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
69	PC1	CTCP Tập đoàn PC1	36,010	33,990	HOSE
70	PCT	CTCP Vận tải biển Global Pacific	14,800	14,300	HNX
71	PGC	Tổng CTGas Petrolimex - CTCP	18,520	18,130	HOSE
72	PGD	CTCP Phân phối khí Thấp áp dầu khí Việt Nam	36,070	35,490	HOSE
73	PGI	Tổng CTCP Bảo hiểm Petrolimex	27,170	26,780	HOSE
74	PHR	CTCP Cao su Phước Hòa	84,370	80,600	HOSE
75	PIC	CTCP Đầu tư Điện lực 3	27,300	23,900	HNX
76	PJT	CTCP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	13,440	12,180	HOSE
77	PLC	Tổng CTHóa dầu Petrolimex - CTCP	38,200	37,400	HNX
78	PMB	CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	15,000	14,000	HNX
79	PMC	CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic	144,500	140,200	HNX
80	PPC	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	15,140	14,360	HOSE
81	PPP	CTCP Dược phẩm Phong Phú	27,200	26,500	HNX
82	PRE	Tổng CTCP Tái bảo hiểm Hà Nội	26,000	25,400	HNX
83	PSE	CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	16,200	15,300	HNX

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
84	PSI	CTCP Chứng khoán Dầu Khí	8,500	10,400	HNX
85	PVT	Tổng CTCP Vận tải Dầu khí	28,340	23,660	HOSE
86	RAL	CTCP Bóng đèn Phích nước Rạng đông	130,000	122,330	HOSE
87	RCL	CTCP địa ốc Chợ lớn	18,000	17,600	HNX
88	REE	CTCP Cơ điện lạnh	87,100	86,970	HOSE
89	S4A	CTcổ phần Thủy điện Sê San 4A	47,450	46,930	HOSE
90	S99	CTCP SCI	12,180	11,900	HNX
91	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	64,740	62,010	HOSE
92	SAF	CTCP Lương thực Thực phẩm Safoco	68,700	67,400	HNX
93	SAV	CTCP Hợp tác Kinh tế & XNK SAVIMEX	23,460	21,190	HOSE
94	SBA	CTCP Sông Ba	39,000	38,610	HOSE
95	SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	32,440	31,650	HOSE
96	SCI	CTCP SCI E&C	11,840	11,800	HNX
97	SD5	CTCP Sông Đà 5	13,100	12,600	HNX
98	SFI	CTCP Đại lý Vận tải Safi	37,050	35,880	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
99	SGC	CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang	135,200	132,700	HNX
100	SGT	CTCP Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn	23,100	21,970	HOSE
101	SHE	CTCP Phát triển năng lượng Sơn Hà	10,960	9,700	HNX
102	SHN	CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	6,820	8,900	HNX
103	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	26,320	25,740	HOSE
104	SZB	CTCP Sonadezi Long Bình	50,100	47,500	HNX
105	TBC	CTCP Thủy điện Thác Bà	50,110	48,810	HOSE
106	TDT	CTCP Đầu tư và Phát triển TDT	8,900	8,800	HNX
107	THD	CTCP Thaiholdings	36,700	35,700	HNX
108	THT	CTCP Than Hà Tu - Vinacomin	11,400	11,000	HNX
109	TLG	CTCP tập đoàn Thiên Long	72,410	67,860	HOSE
110	TMB	CTCP Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin	91,000	83,200	HNX
111	TMP	CTCP Thủy điện Thác Mơ	84,500	80,990	HOSE
112	TNC	CTCP Cao su Thống nhất	45,300	42,120	HOSE
113	TNH	CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH	22,830	21,060	HOSE

STT	Mã cổ phiếu	Tên cổ phiếu	Giá cho vay và/hoặc tính TSDB tối đa (VND)		Sàn giao dịch
			Cũ	Mới	
114	TRA	CTCP TRAPHACO	93,860	88,400	HOSE
115	TRC	CTCP Cao su Tây Ninh	94,000	85,020	HOSE
116	TVD	CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin	14,320	13,600	HNX
117	TYA	CTCP Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	23,270	22,100	HOSE
118	VDS	CTCP chứng khoán Rồng Việt	21,200	24,700	HOSE
119	VFG	CTCP Khử trùng Việt Nam	88,400	76,960	HOSE
120	VGP	CTCP Canh rau Quả	39,900	37,400	HNX
121	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	77,610	77,480	HOSE
122	VID	CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	6,790	6,590	HOSE
123	VIF	Tổng CTLâm nghiệp Việt Nam - CTCP	21,800	20,600	HNX
124	VIP	CTCP Vận tải Xăng dầu Vipco	17,870	17,610	HOSE
125	VMC	CTCP VIMECO	8,900	8,400	HNX
126	VNC	CTCP Tập đoàn Vinacontrol	92,300	45,500	HNX
127	VNR	Tổng CTCP Tái bảo hiểm quốc gia Việt nam	28,700	26,900	HNX
128	VSA	CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam	30,400	29,200	HNX

2. Thời gian áp dụng

- Từ ngày 11/08/2025: Áp dụng giá cho vay và/hoặc tính tài sản đảm bảo tối đa mới

Trân trọng.